

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN HAI BÀ TRUNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số 04/2019/HSST
Ngày 10 tháng 01 năm 2019

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN HAI BÀ TRUNG, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán, Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Thanh Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Văn Châu

2. Ông Vũ Mạnh Huê

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Lại – Thư ký Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thu Hương, Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 01 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Hai Bà Trưng tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 363/2018/HSST ngày 10 tháng 12 năm 2018 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 266/2019/HSST-QĐ ngày 14 tháng 12 năm 2018 đối với các bị cáo:

1. Tạ Văn L. – Sinh năm 1994; ĐKKHKT và nơi ở hiện nay: Thôn 6, xã T., huyện Đ., Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 7/12; Con ông: Tạ Văn S. (c) và bà Nguyễn Thị T.; Tiền án, tiền sự: Bản án số 66 ngày 22 tháng 10 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện P. xử phạt 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản (Ra trại ngày 21/01/2017); Danh chỉ bản số 352 lập ngày 06/6/2018 tại Công an quận Hai Bà Trưng; Bị tạm giữ từ ngày 31/5/2018; Bị tạm giam từ ngày 09/6/2018; Hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Số giam 2426Q1. Buồng giam 02. Có mặt tại phiên tòa.

2. Nguyễn Mạnh C. – Sinh năm 1994; ĐKKHKT và Nơi ở hiện nay: Thôn 1, xã T., huyện Đ., Hà Nội; Nghề nghiệp: Tự do; Trình độ văn hóa: 9/12; Con ông: Nguyễn Tiến T. và Con bà Nguyễn Thị T.; Tiền án: Không; Tiền sự: Ngày 03/4/2017, UBND xã T. áp dụng Biện pháp Giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy; Danh chỉ bản số 360 lập ngày 02/8/2018 tại Công an quận Hai Bà Trưng; Bị tạm giam từ ngày 01/8/2018; Hiện đang bị

tạm giam tại Trại tạm giam số 1 – Công an thành phố Hà Nội. Số giam 3412Q1; Buồng giam 24. Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Chị Trần Minh H. (sinh năm 1953, Trú tại: A1906 tòa nhà U. ngõ 122 phố V., phường V., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội). Vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Qua các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Do cần tiền ăn tiêu nên khoảng 12 giờ 00 phút ngày 27/05/2018, Nguyễn Mạnh C. điều khiển xe máy Honda Wave α màu xanh không lắp BKS chở Tạ Văn L. đi cướp giật tài sản. Khi đi trên đường đê N., hai đối tượng phát hiện anh Hà Thế L. (sinh năm: 1952, trú tại: A1906 tòa nhà U. ngõ 122 phố V., phường V., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) điều khiển xe máy chở vợ là chị Trần Minh H. (sinh năm: 1953, trú tại: A1906 tòa nhà U. ngõ 122 phố V., phường V., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội) đi cùng chiều phía trước. Chị H. có để 01 chiếc túi xách màu hồng kem phía trước bụng. Tại khu vực ngõ 26 đê N., phường B., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, C. điều khiển xe máy áp sát bên trái xe máy anh L. để L. dùng tay phải giật chiếc túi xách của chị H., sau đó cả hai nhanh chóng tẩu thoát. Đến đoạn đường gom chân đê B., phường B., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, hai đối tượng dừng xe, lục soát túi xách vừa cướp giật được phát hiện bên trong có 01 điện thoại di động Iphone 6 màu vàng, 01 ví da bên trong có 22.000.000 đồng, 500USD, một số giấy tờ cá nhân và 03 chùm chìa khóa. C. và L. chia nhau, C. được 11.000.000 đồng và 300 USD, L. được 11.000.000 đồng và 200 USD. Chiếc điện thoại di động, L. cầm về để xóa dữ liệu. Chiếc túi xách, ví, giấy tờ cá nhân, 03 chùm chìa khóa, hai đối tượng vứt lại nơi lục soát. Cơ quan điều tra thu hồi được 1.700.000 đồng và 200 USD.

Qua khai thác mở rộng điều tra, L. và C. còn khai nhận đã cùng nhau thực hiện 01 vụ cướp giật tài sản trên địa bàn quận B., Hà Nội, cụ thể:

Khoảng 18 giờ 00 phút ngày 16/05/2018, tại đường T., phường T., quận B, Hà Nội, C. điều khiển xe máy Honda Wave α màu xanh không lắp BKS để L. dùng tay phải cướp giật 01 điện thoại Iphone 6 màu vàng trắng của một người phụ nữ đi xe đạp. Chiếc điện thoại hiện chưa thu hồi được, chưa xác định được bị hại.

Cơ quan điều tra đã ra yêu cầu định giá tài sản đối với 01 chiếc điện thoại di động Iphone 6 màu vàng trắng, 01 túi xách màu hồng kem, 01 ví da mà L. và C. cướp giật được ngày 27/05/2018. Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 74/KL-HĐ ĐGTS ngày 16/08/2018 và Bản kết luận định giá tài sản trong tố tụng hình sự số 83/KL-HĐ ĐGTS ngày 25/09/2018 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự quận Hai Bà Trưng kết luận: Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự từ chối thực hiện định giá tài sản do tài sản không

thu hồi được, thông tin về tài sản không đầy đủ, tài sản không có hóa đơn, chứng từ mua bán kèm theo.

Ngày 12/09/2018, Ngân hàng TMCP N. cung cấp thông báo tỷ giá của đồng đô la Mỹ với đồng Vietnam ngày 27/05/2018: 1 USD = 22.725 VNĐ.

Như vậy, tổng giá trị tiền Việt Nam đồng và đô la Mỹ mà Tạ Văn L. và Nguyễn Mạnh C. cướp giật của chị Trần Minh H. ngày 27/05/2018 là: 22.000.000 đồng + 22.725 đồng x 500USD = 33.362.500 đồng.

Tại cơ quan điều tra, Tạ Văn L. khai nhận hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên. Số tiền 11.000.000 đồng, 200 USD được chia, L. tiêu sài hết 9.300.000 đồng, giao nộp cho Cơ quan điều tra 1.700.000 đồng và 200 USD. Hai chiếc điện thoại di động, L. nhờ bạn là Nguyễn Duy T. (sinh năm: 1990, trú tại: Thôn 6, xã T., huyện Đ., Hà Nội) cài đặt lại dữ liệu. Đến chiều ngày 28/05/2018, L. đưa cho C. đem bán.

Tại cơ quan điều tra, Nguyễn Mạnh C. khai nhận hành vi phạm tội của mình như trên. Số tiền 11.000.000 đồng, 300 USD (có giá trị 300 USD x 22.725 VNĐ = 6.817.500 đồng) được chia, C. tiêu sài hết. Hai chiếc điện thoại di động Iphone 6 cướp giật được, C. đem bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 2.500.000 đồng. Số tiền này, C. tiêu sài hết. Chiếc xe máy Honda Wave α màu xanh không lắp BKS, C. chở L. đi cướp giật tài sản là của ông Nguyễn Tiến T. (bố C.), mang BKS 29P6-0728. Ngày 16/05/2018 và 27/05/2018, ông T. không biết C. sử dụng xe máy trên để đi cướp giật tài sản. Tháng 6/2018, ông T. đã bán cho một người đàn ông không quen biết với giá 5.000.000 đồng. Do chiếc xe máy không thu hồi được nên cơ quan điều tra không có căn cứ để xử lý.

Cơ quan CSĐT – Công an quận Hai Bà Trưng đã trả lại cho chị Trần Minh H. số tiền 1.700.000 đồng và 200 USD. Chị H. xác định 01 túi xách, 01 ví da đã cũ không còn giá trị và đề nghị không tiến hành định giá đối với chiếc túi xách, ví da, giấy tờ cá nhân và 03 chùm chìa khóa đã bị cướp giật; chị yêu cầu L. và C. bồi thường số tiền và chiếc điện thoại di động không thu hồi được.

Cơ quan điều tra đã tiến hành khảo sát giá của chiếc điện thoại Iphone 6 màu vàng trắng của chị H. tại 02 cửa hàng kinh doanh điện thoại xác định giá bán lẻ của chiếc điện thoại này trên thị trường là 3.000.000 đồng.

Đối với vụ cướp giật xảy ra hồi 18 giờ 00 phút ngày 16/05/2018 tại đường T., phường T., quận B., Hà Nội, do chưa xác định được bị hại nên Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận Hai Bà Trưng đã tách tài liệu liên quan, chuyển đến Cơ quan Cảnh sát điều tra – Công an quận B. để tiếp tục điều tra, xác minh.

Tại phiên tòa, các bị cáo thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội như nội dung đã nêu trên. Người bị hại Trần Minh H. đã được tổng đạt hợp lệ thông báo đến tham dự phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt chị, chị đã được biết giá trị hiện tại của chiếc điện thoại di động Iphone 6 bị các bị cáo

cướp giật là 3.000.000 đồng và đồng ý với giá trị đó, chỉ đề nghị các bị cáo bồi thường cho chi các tài sản bị cướp giật theo quy định của pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng tham gia phiên tòa sau khi phân tích nội dung vụ án, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội và nhân thân các bị cáo, đã giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử: Áp dụng điểm d, i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Tạ Văn L. mức án tù 05 năm đến 05 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”; Áp dụng điểm d khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51 của Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017), xử phạt bị cáo Nguyễn Mạnh C. mức án tù 04 năm đến 04 năm 06 tháng tù về tội “Cướp giật tài sản”. Về phần dân sự: đề nghị buộc bị cáo L. bồi thường cho người bị hại số tiền 9.300.000 đồng, buộc bị cáo C. bồi thường cho người bị hại số tiền 20.817.500 đồng; buộc các bị cáo phải chịu án phí dân sự theo quy định của pháp luật.

Tại lời nói sau cùng, các bị cáo đã nhận thức được hành vi phạm tội của mình và xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an quận Hai Bà Trưng, thành phố Hà Nội, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra, lời khai của người bị hại và phù hợp với các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, đủ cơ sở kết luận: Khoảng 12 giờ 45 phút ngày 27/05/2018, tại khu vực ngõ 26 đê N., phường B., quận Hai Bà Trưng, Hà Nội, Tạ Văn L. và Nguyễn Mạnh C. có hành vi sử dụng xe máy cướp giật 01 túi xách của chị Trần Minh H., bên trong túi có 01 điện thoại di động Iphone 6 và 01 ví da bên trong có 1 số giấy tờ cá nhân, 03 chùm chìa khóa, số tiền mặt gồm 22.000.000 đồng + 22.725 đồng x 500 USD = 33.362.500 đồng.

[3]. Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm quyền sở hữu về tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây bất bình trong dư luận quần chúng nhân dân. Các bị cáo phạm tội với lỗi cố ý, mục đích là tư lợi. Hành vi sử dụng xe máy làm phương tiện đi cướp giật tài sản của người bị hại của hai bị cáo được xác định là

hành vi phạm tội dùng thủ đoạn nguy hiểm nên hành vi của các bị cáo đã đủ yếu tố cấu thành tội Cướp giật tài sản theo quy định tại điểm d khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Riêng đối với bị cáo L., bị cáo có 01 tiền án ngày 22 tháng 10 năm 2013, Tòa án nhân dân huyện P. xử phạt bị cáo 48 tháng tù về tội Cướp giật tài sản chưa được xóa án tích nên lần phạm tội này của bị cáo L. thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm theo quy định tại điểm i khoản 2 Điều 171 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017). Viện kiểm sát nhân dân quận Hai Bà Trưng truy tố các bị cáo về tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

[4]. Ngoài ra, bị cáo C. còn có nhân thân xấu, ngày 03/4/2017, bị cáo bị UBND xã T. áp dụng Biện pháp Giáo dục tại xã 03 tháng về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy.

[5]. Xét vai trò của các bị cáo trong vụ án, các bị cáo phạm tội có tích chất đồng phạm, bị cáo L. là người chủ mưu, rủ rê, khởi xướng việc phạm tội; bị cáo C. hưởng ứng tích cực và cả hai bị cáo cùng thực hành tội phạm có tính chất quyết liệt; bị cáo C. là người lái xe cố gắng nhanh chóng bỏ chạy thoát khỏi sự đuổi bắt của người bị hại.

[6]. Khi quyết định hình phạt Hội đồng xét xử xem xét: tại cơ quan điều tra và tại phiên tòa các bị cáo thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình nên các bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự năm 2015.

[7]. Xét tính chất mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ và nhân thân của các bị cáo thấy cần thiết phải áp dụng hình phạt tù có thời hạn để cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian mới có tác dụng giáo dục riêng đối với các bị cáo và đấu tranh phòng ngừa chung.

[8]. Về trách nhiệm dân sự: Chị H. đã nhận lại số tiền 1.700.000 đồng và 200USD do bị cáo L. giao nộp lại, chị yêu cầu các bị cáo bồi thường số tiền và chiếc điện thoại di động bị các bị cáo chiếm đoạt không thu hồi được. Do vậy, buộc hai bị cáo phải có nghĩa vụ bồi thường thiệt hại cho người bị hại căn cứ theo số tiền các bị cáo đã chia nhau ăn tiêu, cụ thể: buộc bị cáo L. có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị H. số tiền 9.300.000 đồng, buộc bị cáo C. có nghĩa vụ bồi thường cho chị H. số tiền 20.817.500 đồng.

[9]. Về án phí và quyền kháng cáo: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm, án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật. Các bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

1. Tuyên bố các bị cáo **Tạ Văn L. và Nguyễn Mạnh C.** phạm tội “Cướp giật tài sản”.

2. Áp dụng điểm d,i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Tạ Văn L.** 05 (năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 31/5/2018.

3. Áp dụng điểm i khoản 2 Điều 171; điểm s khoản 1 Điều 51; Điều 38 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Xử phạt bị cáo **Nguyễn Mạnh C.** 05(năm) năm tù, thời hạn tù tính từ ngày 01/8/2018

Áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự, tiếp tục tạm giam các bị cáo 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo việc thi hành án.

4. Về dân sự: Áp dụng khoản 1 Điều 48 Bộ luật hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2017): Buộc bị cáo Tạ Văn L. có nghĩa vụ phải bồi thường cho chị Trần Minh H. số tiền 9.300.000 đồng, buộc bị cáo Nguyễn Mạnh C. có nghĩa vụ bồi thường cho chị H. số tiền 20.817.500 đồng.

5. Áp dụng các điều 136, 331, 333 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015; Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

Buộc mỗi bị cáo phải chịu 200.000 (hai trăm nghìn) đồng tiền án phí hình sự sơ thẩm. Buộc bị cáo Tạ Văn L. phải chịu 465.000 đồng, bị cáo Nguyễn Mạnh C. phải chịu 1.040.875 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm.

Các bị cáo có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Người bị hại vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận :

- Bị cáo, Người bị hại;
- Viện kiểm sát ND Q. Hai Bà Trưng;
- Công an Q. Hai Bà Trưng;
- Chi cục THADS Q. Hai Bà Trưng;
- Tòa án NDTP Hà Nội;
- Viện kiểm sát ND TP Hà Nội;
- UBND xã T., huyện Đ., Hà Nội;
- Lưu.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phạm Thị Thanh Phương